

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHÂU THÀNH A  
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2022/HNGĐ-ST  
Ngày: 31 – 3 – 2022  
V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH A, TỈNH HẬU GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Chúc Linh

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Hoa Lài
2. Bà Trịnh Thị Thu Hà

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Huỳnh Hoàng Tuấn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa:** Ông Lê Thanh Tường - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 83/2021/TL.ST-HNGĐ, ngày 26 tháng 3 năm 2021 về việc tranh chấp ly hôn và nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 02 năm 2022, giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Hồng T

ĐKTT: Ấp XM, thị trấn RG, huyện CTA, tỉnh Hậu Giang.

Chỗ ở hiện nay: Ấp PL, xã TPT, huyện CTA, tỉnh Hậu Giang – Vắng mặt.

**2. Bị đơn:** Ông Đặng Hoàng H

Địa chỉ: Ấp XM, thị trấn RG, huyện CTA, tỉnh Hậu Giang – Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn xin ly hôn và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn bà Nguyễn Hồng T trình bày: Bà và ông Đặng Hoàng H tự nguyện đi đến hôn nhân năm 2005, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do

ông Hồ có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác bên ngoài, không quan tâm chăm sóc gia đình.

Bà và ông H đã ly thân từ năm 2020 đến nay, hiện nay bà thấy không thể hàn gắn với ông H nên yêu cầu được ly hôn.

Về con chung: Có hai con chung là Đặng Nhựt H (nam) sinh ngày 29/11/2006 và Đặng Nguyễn Nhựt T (nam) sinh ngày 19/12/2014, cả hai cháu hiện do bà T nuôi dưỡng từ khi ông Hồ bỏ đi cho đến nay. Sau khi ly hôn, bà yêu cầu được tiếp tục nuôi hai con chung, bà không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Quá trình tố tụng bị đơn là ông Đặng Hoàng H vắng mặt dù đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nên Tòa án không ghi được ý kiến của ông Hồ.

Tại phiên tòa: Bà Nguyễn Hồng T vắng mặt, có yêu cầu xét xử vắng mặt. Ông H vắng mặt dù đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định pháp luật, đảm bảo đúng về thời hạn cũng như trình tự thủ tục. Nguyên đơn vắng mặt có yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt dù đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là phù hợp.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Hồng T đối với ông Đặng Hoàng H; Về con chung: Giao hai cháu Đặng Nhựt H (nam) sinh ngày 29/11/2006 và Đặng Nguyễn Nhựt T (nam) sinh ngày 19/12/2014 cho bà Nguyễn Hồng T nuôi dưỡng cho đến khi hai cháu đủ 18 tuổi. Bà T không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con chung nên ông H chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết. Về án phí và chi phí tố tụng khác: Đương sự phải chịu theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Bà Nguyễn Hồng T và ông Đặng Hoàng H do phát sinh mâu thuẫn trong đời sống hôn nhân và gia đình mà không thể hàn gắn tình cảm được nên bà T yêu cầu Tòa án giải quyết được

ly hôn với ông H, do ông H có địa chỉ thường trú tại ấp XM, thị trấn RG, huyện CTA, tỉnh Hậu Giang nên theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì xác định quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là vụ án ly hôn, nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, nguyên đơn vắng mặt, có yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[3] Về nội dung giải quyết vụ án:

[3.1] Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy: Giữa Bà T và ông H tự nguyện tiến tới hôn nhân trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Quá trình chung sống giữa bà T và ông H phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo bà T là do ông H có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, không quan tâm gia đình, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2020 đến nay. Ông H dù đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn không đến Tòa án, cho thấy ông H không trân trọng mối quan hệ hôn nhân với bà T. Hội đồng xét xử thấy rằng, mâu thuẫn giữa bà T và ông H đã đến mức trầm trọng, đã sống ly thân từ năm 2020 đến nay mà không hàn gắn được, hôn nhân không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên có căn cứ chấp nhận cho bà T ly hôn với ông H.

[3.2] Về con chung: Theo hồ sơ thể hiện cũng như bà T khai nhận giữa bà và ông H có hai con chung là Đặng Nhựt H (nam) sinh ngày 29/11/2006 và Đặng Nguyễn Nhựt T (nam) sinh ngày 19/12/2014 do bà T đang nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn, bà T yêu cầu được nuôi cả hai con chung, hai cháu H và T đều có nguyện vọng được sống cùng mẹ nên Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu được nuôi hai con chung của bà T. Bà T không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con chung nên ông H chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà T khai không có nên không xem xét giải quyết nếu sau này phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ án khác.

[4] Về án phí: Bà Nguyễn Hồng T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đồng.

Về chi phí đăng thông tin trên các phương tiện thông tin đại chúng bà T phải chịu là 1.680.000đồng, bà T đã nộp xong số tiền này.

[5]. Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành A có căn cứ, phù hợp pháp luật nên được chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147; Điều 227, Điều 228, Điều 180, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, điều 53, Điều 56, Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Hồng T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho bà Nguyễn Hồng T được ly hôn với ông Đặng Hoàng H. Giấy chứng nhận kết hôn số 213 ngày 22 tháng 11 năm 2006 của Ủy ban nhân dân xã Thanh X (nay là thị trấn Rạch Gòi), huyện CTA, tỉnh Hậu Giang cấp cho bà Nguyễn Hồng T và ông Đặng Hoàng H không còn giá trị kể từ ngày 31 tháng 3 năm 2022.

2. Về con chung: Giao cháu Đặng Nhựt H (nam) sinh ngày 29/11/2006 và Đặng Nguyễn Nhựt T (nam) sinh ngày 19/12/2014 cho bà Nguyễn Hồng T nuôi dưỡng cho đến khi hai cháu đủ 18 tuổi. Bà Nguyễn Hồng T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên ông Đặng Hoàng H chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung. Ông Đặng Hoàng H có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai có quyền cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét, giải quyết. Nếu sau này phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ án khác.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Hồng T phải chịu 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Chuyển 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp theo biên lai số 0007515 ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành A thành tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm (Bà T đã nộp xong án phí).

5. Về chi phí tố tụng khác: Bà Nguyễn Hồng T phải chịu chi phí đăng thông tin trên các phương tiện thông tin đại chúng là 1.680.000đồng (Một triệu sáu trăm tám mươi ngàn đồng), bà T đã nộp số tiền này xong.

6. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

7. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Hậu Giang;
- Các đương sự;
- CQ THA DS h.Châu Thành A;
- VKSND h.Châu Thành A;
- UBND thị trấn RG;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Chúc Linh**